

XÁC ĐỊNH CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CỦA TRẺ TRONG TUỔI TIỂU HỌC (6 - 11 TUỔI) VÀ ỨNG DỤNG Ở VIỆT NAM

Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ khoa học công nghệ: *Xây dựng bộ chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý của trẻ em mầm non và học sinh tiểu học phục vụ yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo Việt Nam*; Mã số KHGD/16-20.ĐT.027; Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì; GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc làm chủ nhiệm.

PGS.TS. Đặng Hoàng Minh

GS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Lộc

Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÓM TẮT

Thời kỳ tiểu học có vai trò quan trọng trong sự phát triển con người, là chỉ số đầu của sự phát triển tuổi ấu thơ và dự báo cho sự thích ứng và thành công ở tuổi vị thành niên. Do vậy, thời kỳ tiểu học là thời cơ để khuyến khích, tối đa hóa sức khỏe, sự phát triển và sự lành mạnh. Số liệu về sự phát triển của trẻ tuổi tiểu học sẽ là cơ sở để xây dựng các chính sách phòng ngừa và hỗ trợ về sức khỏe nói chung, sức khỏe tâm thần nói riêng và kỹ năng cho các em. Tuy nhiên, các nghiên cứu, số liệu về sự phát triển tâm lý ở tuổi này còn rất hạn chế, thiếu cập nhật cả trên thế giới và ở Việt Nam. Để có được số liệu này, việc đầu tiên và quan trọng là phải xác định được các chỉ số phát triển nào cần đo đạc. Bài viết này tổng quan các nghiên cứu tiêu biểu trên thế giới về sự phát triển tâm lý ở tuổi tiểu học để xác định chỉ số phát triển tâm lý chung và cơ bản ở trẻ tiểu học. Những đề xuất về việc xác định các chỉ số này ở Việt Nam được bàn luận là bước đầu của nhiệm vụ xây dựng bộ số liệu về sự phát triển tâm lý ở học sinh tiểu học ở Việt Nam.

Từ khóa: *Chỉ số phát triển tâm lý; Học sinh tiểu học; Phát triển tình cảm - xã hội; Việt Nam.*

Ngày nhận bài: 21/5/2019; Ngày duyệt đăng bài: 25/8/2019.

1. Đặt vấn đề

1.1. Vai trò của thời kỳ tiểu học trong phát triển con người

Trong ba thập niên qua, đã có rất nhiều nghiên cứu về sự phát triển những năm tuổi thơ và ảnh hưởng của nó đến tương lai của trẻ em. Nếu những

năm đầu đời được chứng minh là rất quan trọng cho sự phát triển lành mạnh của trẻ em, thì những gì xảy ra ở những năm tiểu học từ 6 - 11 tuổi có ý nghĩa then chốt với các tác động lâu dài (Hertzman và Power, 2006). Do đó, nhu cầu có nhiều các nghiên cứu về sự phát triển trẻ em ở những năm tiểu học đang ngày càng tăng lên.

Trong những năm tiểu học, nhân cách, hành vi và năng lực của trẻ được định hình và ổn định cho tuổi vị thành niên và người lớn. Dù ở tuổi tiểu học, tỷ lệ phát triển rất đa dạng nhưng các bằng chứng đều khẳng định sự phát triển ở những năm tiểu học là yếu tố dự đoán mạnh hơn cho sự thích ứng và thành công ở tuổi vị thành niên, hơn là so với sự phát triển những năm đầu đời. Tuổi tiểu học là thời điểm tạo ra cơ hội tuyệt vời để tối đa hóa sức khỏe và khuyến khích sự phát triển. Một cách lý tưởng, ở thời kỳ này, trẻ phát triển những năng lực, hứng thú và cảm nhận lành mạnh về sự tự tin. Tuy vậy, so sánh với các nghiên cứu về sự phát triển trong 5 năm đầu đời và thời vị thành niên cũng như các chính sách y tế, xã hội, các chương trình hỗ trợ phong phú cho 2 thời kỳ đó, các nghiên cứu về sự phát triển của trẻ em ở tuổi tiểu học và các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển còn rất hạn chế (Manning, 1998). Đồng thời, cần thấy rằng sức khỏe và sự lành mạnh của nhóm trẻ em tuổi tiểu học là một phần trong phổ phát triển liên tục mà trước đó chịu ảnh hưởng của thời ấu nhi và mầm non và đến lượt mình, nó ảnh hưởng đến hành vi, cảm xúc, thành quả ở vị thành niên và người trưởng thành. Các nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng, thời kỳ này cũng là thời điểm xuất hiện các vấn đề sức khỏe tâm thần, nếu không được phát hiện sẽ trở nên rất nghiêm trọng ở thời vị thành niên (Pedersen, Vitaro, Barker và Borge, 2007). Do đó, khuyến khích sức khỏe, tâm lý tích cực ở nhóm trẻ tiểu học, thông qua các nghiên cứu và chính sách có thể hoàn thiện những tiến bộ có được trong lĩnh vực tâm lý, giáo dục trẻ em tuổi mầm non và tuổi vị thành niên, sẽ tạo ra tiếp cận tổng quát, hệ thống đảm bảo sự phát triển lành mạnh liên tục trong suốt thời thơ ấu.

1.2. Các đặc trưng phát triển tâm lý của trẻ tuổi tiểu học

Thời tiểu học là thời kỳ trẻ em có được các kỹ năng cơ bản cần thiết khi trưởng thành. Đây là giai đoạn các em trải qua thời kỳ tiền dậy thì, phát triển tự ý thức và tự kiểm soát bản thân và hình thành nền tảng cơ bản cho quan hệ xã hội với những bạn đồng lứa.

a. Các đặc trưng phát triển tâm lý của trẻ tiểu học

Tự trọng, cảm nhận hiệu quả bản thân: Erikson (1959) nêu đặc trưng của thời kỳ là sự hình thành cảm nhận sự thành thạo (industry) mà ở đó các em thành thạo các kỹ năng cơ bản và các công cụ cần thiết cho đời sống trưởng thành phù hợp với nền văn hóa của cá nhân đó. Ở thời kỳ này, sự chú ý của trẻ

hướng đến việc lĩnh hội được các năng lực mới và học cách giao tiếp, tương tác với những người khác, kể cả bạn cùng tuổi và người lớn. Điều rui ro ở thời kỳ này là trẻ có mặc cảm thấp kém nếu năng lực của trẻ không tương ứng hoặc nếu trẻ thất vọng về các kết quả mà mình đạt được không đáp ứng được các giá trị của xã hội.

Khái niệm thành thạo và mặc cảm, tự ti mang nghĩa ẩn dụ cho trạng thái tích cực và tiêu cực của sự tự trọng, động cơ và sự lành mạnh của trẻ. Với hầu hết trẻ em ở tất cả các quốc gia, việc đến trường tiểu học trong độ tuổi từ 5 - 7 tuổi đánh dấu sự trải nghiệm về sự đánh giá, so sánh với người khác. Trong các năm sau, trẻ học cách tự đánh giá bản thân theo các chuẩn mực xã hội, tự đưa ra nhận định về năng lực, khả năng của mình, trong đó có kỹ năng học tập. Trẻ cũng có cảm nhận về năng lực của bản thân từ các hoạt động khác như thể thao, nghệ thuật, các quan hệ xã hội, ngôn ngữ... Nhận diện được năng lực là một thành tố để tạo ra các động cơ bên trong của trẻ, cũng như đặt ra các mục tiêu, định hướng tương lai và cảm nhận hiệu quả bản thân (Eccles, Wigfield và Schiefele, 1998).

Tự điều chỉnh: Trong thời kỳ tiểu học, trẻ cũng dần hình thành tính độc lập, tham gia tích cực vào các hoạt động và các mối quan hệ ngoài gia đình, học cách chịu trách nhiệm. Ở cuối thời kỳ này (lớp 4 hoặc lớp 5), hầu như các trẻ đều có thể một mình làm các việc mà không cần sự giám sát của người lớn. Cùng với mức độ tự do, tự chủ tăng lên, trẻ cần có kỹ năng để kiểm soát được hành vi của mình.

Quan hệ xã hội: Sự thành công ở tuổi trưởng thành không chỉ được đánh dấu ở việc có được công việc tốt mà còn bao gồm có các quan hệ lành mạnh trong các mối quan hệ tình cảm với bạn bè, với gia đình, với đồng nghiệp. Học cách tương tác với bạn đồng lứa và người lớn ngoài gia đình, kết bạn là nhiệm vụ quan trọng của tuổi tiểu học. Quan hệ xã hội và các kỹ năng xã hội ở tuổi này là nền tảng cơ bản cho những thích ứng xã hội sau này (Rubin, Bukowski và Parker, 1998).

Ở thời kỳ này, mức độ ảnh hưởng của bạn đồng lứa đến cá nhân tăng, trong đó, nhu cầu tương thích, giống, phù hợp với các bạn đồng lứa đạt đỉnh điểm năm trẻ 11 - 12 tuổi. Trẻ tiểu học cũng dành nhiều thời gian với bạn và những người cùng lứa. Do đó, giá trị và hành vi của các bạn là một chỉ số quan trọng để trẻ thay đổi hành vi của mình. Song, trẻ cũng dành ít thời gian với cha mẹ và tăng sự tương tác với những người lớn khác như giáo viên, những người lớn ở câu lạc bộ hoặc hoạt động ngoại khóa, v.v. Xem xét các hoạt động của trẻ ngoài giờ học cũng như việc sử dụng thời gian là một cách để hiểu được các mối quan hệ xã hội của trẻ.

Kỹ năng xã hội: Bao gồm các kỹ năng bắt đầu và duy trì các tương tác xã hội, đương đầu và giải quyết các mâu thuẫn xã hội. Sự thay đổi về tư duy đạo đức và xã hội ở tuổi này tạo ra nền tảng để phát triển kỹ năng xã hội, ví dụ như khả năng tự chiêm nghiệm về mình; hiểu được suy nghĩ, cảm xúc, hành vi của người khác; khả năng đưa ra các cách thức khác nhau để đương đầu với các tình huống xã hội (Ripke và cộng sự, 2008).

Sức khỏe tâm thần và sự lành mạnh: Những trẻ không thành công trong việc đạt được một số kỹ năng, năng lực mà trẻ và những người xung quanh cho là quan trọng thường sẽ hình thành cảm nhận thấp kém về giá trị bản thân, mức độ lo lắng cao và trầm cảm. Mặc dù một số dấu hiệu của tâm bệnh có thể xuất hiện ở tuổi nhỏ, thời kỳ tiểu học là thời điểm mà các vấn đề tâm bệnh sẽ bộc lộ rõ, có thể quan sát và đo đạc được. Do vậy, đây là thời kỳ quan trọng để thiết lập nền tảng tâm lý xã hội vững chắc, khuyến khích sức khỏe tâm thần và sự lành mạnh về tâm trí ở trẻ em (Costello và cộng sự, 2016).

b. Đánh giá phát triển tâm lý của trẻ ở tuổi tiểu học

Do tầm quan trọng của chính thời kỳ tiểu học, việc đánh giá sự phát triển tâm lý ở thời kỳ này có ý nghĩa quan trọng. Có thể nói, trên thế giới và ở Việt Nam, các nghiên cứu đánh giá sự phát triển ở thời kỳ trẻ nhỏ (từ 3 đến 6 tuổi) và trẻ vị thành niên rất đa dạng, nhiều về số lượng nhưng nghiên cứu về tuổi tiểu học còn rất ít. Trong 10 năm gần đây, trên thế giới, ở những nước phát triển như Canada, Mỹ, Úc... đã bắt đầu quan tâm hơn đến sự phát triển tâm lý, sức khỏe, xã hội ở tuổi tiểu học, đồng thời tìm hiểu các phương pháp mà những nước khác trên thế giới định nghĩa, thao tác hóa khái niệm và đánh giá sự phát triển này.

Ở Việt Nam, thập kỷ 80 - 90 của thế kỷ XX đã có một số nghiên cứu đề cập đến đặc điểm phát triển tâm lý và đánh giá phát triển của trẻ em ở tuổi tiểu học. Ví dụ: Bộ trắc nghiệm đo lường mức độ sẵn sàng đi học của trẻ 6 tuổi vào lớp 1 (Nguyễn Thị Hồng Nga, 1997); Chuẩn bị về mặt xã hội cho trẻ mẫu giáo lớn sẵn sàng đi học lớp 1 ở đồng bằng Sông Cửu Long (Đặng Thị Phương Phi, 2007). Tuy nhiên, các nghiên cứu còn mang tính nhỏ lẻ, thường chỉ tập trung vào đầu tiểu học và đặc biệt là thiếu vắng những nghiên cứu cập nhật với thời gian, trong khi sự phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam thay đổi nhanh chóng trong vòng 20 năm qua. Bên cạnh đó, các nhà khoa học chưa xác định được một cách bài bản và hệ thống các chỉ số phát triển tâm lý cần thiết để làm cơ sở cho việc xây dựng các hoạt động giáo dục trẻ cũng như việc đầu tư về cơ sở vật chất, điều kiện và phương tiện dạy học và giáo dục ở nhà trường, gia đình, cộng đồng. Bài viết này sẽ tập trung tổng quan (a) nghiên cứu điều tra về sự phát triển tâm lý của trẻ tuổi tiểu học ở một số nước trên thế giới, (b) các chỉ số

phát triển tâm lý được sử dụng phổ biến và (c) đề xuất cho việc xây dựng những chỉ số đánh giá tâm lý ở Việt Nam. Kết quả của nghiên cứu là bước đầu cho việc điều tra trên diện rộng về thực trạng sự phát triển tâm lý của trẻ trong tuổi tiểu học ở Việt Nam, phục vụ cho mục tiêu đổi mới giáo dục cũng như các chính sách sức khỏe và xã hội.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là tổng quan tài liệu. Việc tìm tài liệu qua mạng được áp dụng với các cơ sở dữ liệu như Google, Google Scholar, PsycINFO, Education Resources Information Center (ERIC) với các từ khóa như “middle childhood”, “psychological development”, “psychosocial development indicators”, “social emotional development indicators”, “age 6 - 11 years old”.

Tiêu chí lựa chọn tài liệu: Nhóm tác giả chỉ lựa chọn các bài báo khoa học có số liệu đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, các báo cáo nghiên cứu (report) của các tổ chức có uy tín (như UNESCO, UNICEF, Bộ Giáo dục Hoa Kỳ...), các báo cáo điều tra quốc gia, các chương sách có kết quả thực nghiệm trong vòng 20 năm trở lại. Chỉ các nghiên cứu trong độ tuổi tiểu học (từ 5 hoặc 6 tuổi đến 10 - 11 tuổi, tùy ở mỗi quốc gia) được lựa chọn. Các bài báo chỉ trình bày một nghiên cứu về một chiều cạnh tâm lý đơn lẻ hoặc kỹ năng, năng lực đơn lẻ của trẻ tiểu học không được lựa chọn. Từ nguồn tài liệu có được, nhóm tác giả tiếp tục theo dấu tài liệu tham khảo. Kết quả tìm kiếm có 56 tài liệu được tìm thấy, loại bỏ 22 tài liệu và sử dụng 34 tài liệu.

Các nghiên cứu được mã hóa theo các chiều cạnh (a) lĩnh vực nghiên cứu; (b) nhóm tuổi; (c) mục tiêu của nghiên cứu; (d) cơ sở khoa học hoặc tiếp cận về mốc phát triển tâm lý, các năng lực, kỹ năng của tuổi tiểu học mà nghiên cứu quan tâm; (e) chỉ số hoặc cách thức đánh giá mốc phát triển tâm lý, các năng lực, kỹ năng đó.

3. Kết quả nghiên cứu

Các nghiên cứu về sự phát triển của trẻ tiểu học, trong đó có sự phát triển tâm lý, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: tâm lý học, giáo dục kỹ năng, phát triển nhân lực, sức khỏe, pháp luật, kinh tế, ngôn ngữ, phát triển năng lực trong trường học, giáo dục đặc biệt (khuyết tật). Các nghiên cứu sử dụng các loại công cụ: (a) thang đo Tự báo; (b) thang đo Do cha mẹ hoặc giáo viên báo cáo; (c) quan sát; (d) đánh giá từ bạn bè; (e) các công cụ tương tác, sử dụng tình huống có vấn đề. Trong khuôn khổ của nghiên cứu này, chúng tôi chỉ giới hạn các nghiên cứu trong lĩnh vực tâm lý, giáo dục và sử dụng công cụ tự báo cáo hoặc giáo viên hoặc cha mẹ báo cáo.

Các nghiên cứu quốc gia tiêu biểu ở tuổi tiểu học có thể kể đến là: Điều tra các hộ gia đình hàng năm của Hoa Kỳ; Nghiên cứu trường diễn về thanh niên của Hoa Kỳ; Nghiên cứu trường diễn về sự tuổi thơ và thiếu nhi của Hoa Kỳ (Early Childhood Longitudinal Study-ECLS); Nghiên cứu về hành vi sức khỏe ở trẻ tuổi học đường của Canada (HBSC); Điều tra sự phát triển tuổi tiểu học (lớp 4) của Canada (Middle Years Development); Các chỉ số sức khỏe trẻ em về cuộc sống và phát triển (The Child Health Indicators of Life and Development - CHILD) của Liên hiệp châu Âu, Điều tra về tuổi tiểu học ở Úc (Middle Childhood Survey) v.v.

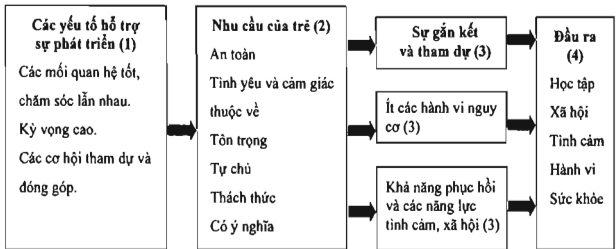
Các tổ hợp năng lực tâm lý - xã hội được lựa chọn điều tra ở tuổi tiểu học lần lượt là kỹ năng xã hội/liên cá nhân (hợp tác, thấu cảm, giải quyết mâu thuẫn), bản sắc/hình ảnh bản thân, tự trọng, sự gắn kết và hỗ trợ xã hội, sức khỏe tâm thần, đạo đức, kỹ năng điều chỉnh cảm xúc và hành vi, điều chỉnh tư duy, cảm nhận hiệu quả bản thân, đặt mục tiêu.

3.1. Hoa Kỳ

Chương trình nghiên cứu trường diễn về tuổi thơ (Early Childhood Longitudinal Program - ECLS) cung cấp số liệu về sự phát triển của trẻ em Hoa Kỳ do Viện Khoa học Giáo dục thực hiện. Điều tra từ chương trình này đã cung cấp số liệu của trẻ từ khi sinh ra và ở một số thời điểm trong cuộc đời. Các số liệu liên quan đến sự phát triển của trẻ, sự sẵn sàng đi học và các trải nghiệm trường học cũng được cung cấp. Chương trình có 3 nghiên cứu trường diễn, nhóm sinh năm 2001 có số liệu trường diễn đến lúc 5 tuổi, nhóm sinh năm 1998 - 1999 có số liệu trường diễn từ lúc 5 tuổi đến năm lớp 8 và nhóm sinh năm 2010 - 2011 có số liệu từ lúc 5 tuổi đến lớp 5 (ECLS-K) (Green và cộng sự, 1997). Nghiên cứu ECLS-K tập trung vào tuổi tiểu học, sử dụng các công cụ do trẻ báo cáo, phỏng vấn cha mẹ, công cụ do giáo viên, giáo viên giáo dục đặc biệt và quản lý trường báo cáo. Các công cụ cung cấp số liệu về sự tương tác của các nhân tố trường học, gia đình, cộng đồng xung quanh đến sự phát triển nhận thức, xã hội, tình cảm và thể chất của trẻ từ lớp 1 đến lớp 4. Các công cụ trực tiếp với trẻ nhằm đánh giá các chỉ số: khả năng ngôn ngữ, khả năng nhận thức (đọc, làm toán, chức năng vận hành (executive functioning), khoa học), chiều cao, cân nặng, thính lực. Phỏng vấn cha mẹ nhằm đánh giá các mặt đặc điểm kinh tế - xã hội của cha mẹ (giáo dục, nghề nghiệp, thu nhập, ngôn ngữ mẹ đẻ, v.v), sắp xếp chăm sóc trẻ, khuyết tật ở trẻ em và dịch vụ, sức khỏe và sức khỏe tâm thần của trẻ, các kỹ năng của trẻ (kỹ năng xã hội, hành vi có vấn đề, kỹ năng học tập), cấu trúc gia đình, phong cách làm cha mẹ, stress của cha mẹ, thời gian cha mẹ dành cho con, niềm tin của cha mẹ về giáo dục, sức khỏe tâm thần của cha mẹ. Giáo viên cung cấp các thông tin về đặc điểm của lớp học liên quan đến trẻ, khả năng nghe lời và tôn

trọng người khác của trẻ, kỹ năng xã hội của trẻ, quan hệ giữa trẻ với giáo viên, kỹ năng và kiến thức khoa học, toán, ngôn ngữ, khả năng tập trung và kiểm soát hành vi.

Hiện nay, ECLS-K đã thu thập số liệu của 18.174 trẻ em Hoa Kỳ, trong đó số liệu có từ đa nguồn: trẻ em, cha mẹ và giáo viên. Nguồn số liệu và công cụ của chương trình được công bố công khai, tạo điều kiện cho các nhà khoa học sử dụng và phân tích số liệu. Bên cạnh lợi ích của chương trình là có bộ số liệu đồ sộ, nhiều nguồn cung cấp, ở nhiều mặt phát triển khác nhau của trẻ cũng như các yếu tố liên quan. thì kinh phí lớn và thời gian điều tra là điểm bất tiện của chương trình này.



Ghi chú: (1) - (2): đáp ứng; (2) - (3): khuyến khích; (3) - (4) tạo ra kết quả

(Nguồn: <https://calschls.org/about/#overview-of-content>)

Hình 1: Cơ sở lý luận lựa chọn các chỉ số của CHKS

Bên cạnh chương trình ECLS-K, Hoa Kỳ còn có các điều tra khác về sự phát triển tâm lý tuổi tiểu học ở cấp bang. Điều tra trẻ em khỏe mạnh California (The California Healthy Kids Survey - CHKS) dành cho trẻ em từ 10 tuổi đến 14 tuổi do Phòng Giáo dục California, Hoa Kỳ thực hiện (Austin và Duerr, 2004). Các chỉ số cơ bản được điều tra là (a) sự gắn kết, động cơ học tập và chuyên cần học tập; (b) môi trường trường học; (c) an toàn trường học, bao gồm cả vấn đề bạo lực và bắt nạt; (d) sự lành mạnh về thể chất và tâm trí; (e) cảm nhận về sự hỗ trợ, bao gồm các nhân tố khuyến khích khả năng tự phục hồi. Đối với nhóm trẻ trên 10 tuổi, một số các chỉ số khác được bổ sung như

các hành vi nguy cơ, sử dụng chất kích thích. Cơ sở lý luận cho việc lựa chọn các chỉ số của CHKS được biểu diễn ở hình 1.

Bộ công cụ của CHKS được xây dựng dựa trên việc lựa chọn và thích ứng các công cụ tiêu chuẩn có sẵn, cùng với việc tự xây dựng một số thang đo mới. Độ tin cậy và độ hiệu lực của bộ công cụ dành cho nhóm học sinh cấp 2 mạnh, nhưng dành cho nhóm cấp 1 không tốt lắm. Các chuyên gia cho rằng, các item liên quan đến khả năng tự phục hồi có thể khó hiểu cho học sinh tiêu học (Schonert-Reichl, Stewart Lawlor, Oberle và Thomson, 2009).

3.2. Canada

Bảng 1: Các chỉ số đánh giá phát triển tâm lý - xã hội ở tuổi từ 5 đến 6 tuổi

Các mặt	Chỉ số
Sức khỏe thể chất và sự lành mạnh	Kỹ năng vận động tinh và thô
Kiến thức và năng lực xã hội	Tò mò về thế giới; Hiểu biết về các hành vi được xã hội chấp nhận; Khả năng kiểm soát hành vi; Tôn trọng người lớn tuổi; Hợp tác với người khác; Làm theo kỷ luật; Chơi với bạn
Sự chín chắn về tình cảm	Khả năng tự cân nhắc trước khi hành động; Cân bằng giữa lo lắng và xung động; Cân bằng cảm xúc; Thấu cảm
Phát triển ngôn ngữ và nhận thức	Đọc; Kỹ năng viết, đọc, số; Biết phân biệt sự giống nhau và khác biệt; Nhắc lại một mẫu thông tin theo trí nhớ
Kỹ năng giao tiếp	Có khả năng truyền tải được nhu cầu của bản thân một cách phù hợp; Dùng được ngôn ngữ biểu tượng; Có kiến thức phù hợp lứa tuổi về cuộc sống và thế giới

Sự phát triển những năm tuổi thơ (Early development and middle years development) là chương trình đánh giá sự sẵn sàng đi học của học sinh từ 5 đến 6 tuổi về điểm mạnh và khả năng tự phục hồi và 9 tuổi đến 14 tuổi ở Canada. Đối với học sinh từ 5 đến 6 tuổi, giáo viên là người cung cấp thông tin dựa trên quan sát và tương tác với học sinh ở lớp. Các mặt đánh giá phát triển của học sinh từ 5 đến 6 tuổi ở 5 mặt: (a) sức khỏe thể chất và sự lành mạnh; (b) kiến thức và năng lực xã hội; (c) sự chín chắn về tình cảm; (d) phát triển ngôn ngữ và nhận thức; (e) kỹ năng giao tiếp (Schonert-Reichl, Stewart

Lawlor, Oberle và Thomson, 2009). Các chỉ số đánh giá từng được trình bày ở bảng 1.

Với nhóm từ 9 đến 12 tuổi, các mặt phát triển được đánh giá là (a) năng lực xã hội và tình cảm; (b) sự liên kết; (c) trải nghiệm trường học; (d) sức khỏe thể chất và sự lành mạnh về tâm trí; (e) sử dụng thời gian (Thompson và cộng sự, 2018). Các chỉ số đánh giá được thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2: Các chỉ số đánh giá phát triển tâm lý - xã hội ở tuổi từ 9 đến 14 tuổi

Các mặt	Chỉ số
Năng lực xã hội và tình cảm	Thấu cảm; Lạc quan; Thỏa mãn cuộc sống; Hành vi tích cực xã hội; Khái niệm về bản thân; Sức khỏe tâm thần
Sự liên kết	Số người lớn quan trọng với trẻ ở xung quanh; Sự liên kết với bạn đồng lứa; Sự liên kết với cha mẹ; biết về các chương trình cộng đồng
Trải nghiệm trường học	Khái niệm về bản thân liên quan đến học tập; Sự gắn bó với trường; Mục tiêu tương lai; Bất nạt
Sức khỏe thể chất và sự lành mạnh về tâm trí	Sức khỏe chung; Hình ảnh cơ thể bản thân; Dinh dưỡng; Ngủ
Sử dụng thời gian	Thời gian ngoài trường; Các hoạt động có cấu trúc và không cấu trúc; Các cản trở đối với hoạt động ngoài trường lớp

Cơ sở lý luận cho việc lựa chọn các mặt và chỉ số phát triển là học thuyết hệ thống sinh thái của Bronfenbrenner (1979) cho rằng, một đứa trẻ lớn lên chịu ảnh hưởng của mạng lưới các nhân tố trong môi trường văn hóa và xã hội của trẻ với hệ vi mô (microsystem), hệ tương tác (mesosystem), hệ ngoại vi (exosystem), hệ vĩ mô (macrosystem), hệ thời gian (chronosystem) (Schonert-Reichl và Rowcliffe, 2012).

3.3. Úc

Điều tra tuổi tiểu học (Middle Childhood Survey) là chương trình nghiên cứu điều tra của Úc được thực hiện từ năm 2011 đến 2016, đánh giá sức khỏe tâm thần và sự lành mạnh về phát triển của trẻ Úc 5 tuổi và 11 tuổi và các yếu tố bảo vệ và nguy cơ. Điều tra do Ủy ban Nghiên cứu Úc, Cục Sức khỏe của New South Wales, Cục Giáo dục và Dịch vụ cộng đồng New South Wales

thực hiện. Các mặt của phát triển tâm lý được đánh giá ở tuổi 11 là: (a) Sự hội nhập xã hội; (b) Các hành vi tích cực xã hội; (c) Các vấn đề quan hệ bạn bè; (d) Các quan hệ ủng hộ (ở nhà, trường và cộng đồng); (e) Sự thấu cảm; (g) Các triệu chứng về cảm xúc; (h) Các vấn đề về hành vi; (i) Hưng tính; (k) Chú ý; (l) Khả năng kiềm chế; (m) Tăng động giảm chú ý; (o) Mức độ nhạy cảm của tri giác; (p) Trải nghiệm hoang tưởng; (q) Nhân cách; (s) Tự trọng; (t) Ngủ ban ngày và sự liên kết với thiên nhiên (Laurens và cộng sự, 2017). Công cụ đo được chọn lọc từ các thang đo chuẩn hóa như Khảo sát trẻ em khỏe mạnh (Healthy kids survey), Bảng hỏi về khí chất của vị thành niên (Early adolescent temperament questionnaire-revised), Bảng hỏi 5 Lớn cho trẻ em (Big five questionnaire for children), Thang đo Mức độ hài lòng về cuộc sống cho sinh viên (Multidimensional students' life satisfaction scale) (dẫn theo Laurens và cộng sự, 2017).

3.4. Cộng đồng châu Âu

Trong nỗ lực đánh giá sự phát triển của trẻ em ở các nước châu Âu, Ủy ban Bảo vệ xã hội của cộng đồng châu Âu đã có dự án “An index of child well-being in the European Union” cung cấp các chỉ số phát triển của trẻ em ở 25 nước ở cộng đồng châu Âu (EU). Dựa trên sự hiểu biết đa ngành và dựa trên quyền trẻ em, dự án đã đề xuất 8 nhóm chủ đề chia thành 23 lĩnh vực: a) sự lành mạnh về sức khỏe; (b) cuộc sống vật chất; (c) nhà ở; (d) sức khỏe; (e) giáo dục; (g) quan hệ xã hội; (h) sự tham dự vào các hoạt động dân sự; (g) nguy cơ và an toàn (Bradshaw và cộng sự, 2007). Bảng 3 mô tả chi tiết các chỉ số liên quan đến lĩnh vực tâm lý.

Bảng 3: Các chỉ số đánh giá phát triển tâm lý - xã hội ở trẻ em theo EU

Các mặt	Chỉ số
Sức khỏe	Ăn uống lành mạnh (ăn rau, không bỏ bữa, v.v.); Vận động thể chất
Quan hệ xã hội	Cấu trúc gia đình; Quan hệ và gắn bó với cha mẹ; Quan hệ với bạn bè
Sự lành mạnh về tâm trí	Sự thỏa mãn về cuộc sống; Cô đơn/lo âu/trầm cảm; Cảm giác lạc lõng, không thuộc về; Sự lành mạnh học đường (thích trường lớp, áp lực học đường)
Nguy cơ và an toàn	Hành vi liều lĩnh (hút thuốc lá, dùng chất kích thích, quan hệ tình dục không an toàn); Bất nạt
Hoạt động dân sự	Mức độ tham gia các hoạt động cộng đồng; Quan tâm đến chính trị

3.5. Đề xuất cho Việt Nam

Việt Nam nhu cầu rất lớn về số liệu sự phát triển tâm lý, sinh lý, xã hội của trẻ tiểu học. Các số liệu mà Việt Nam có được cách đây 30 - 40 năm đã không còn đáp ứng với sự phát triển của thể hệ trẻ em thế kỷ XXI. Bên cạnh đó, giáo dục Việt Nam đang có những sự thay đổi nhất định, đặc biệt là từ khi yêu cầu về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục Việt Nam được xác định và thực thi một cách hệ thống. Trọng tâm của đổi mới là hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, tạo điều kiện tốt nhất để phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của người học. Chính vì vậy, xác định các chỉ số tâm lý, sinh lý của học sinh tiểu học Việt Nam hiện nay là yêu cầu không thể thiếu.

Trên thế giới, có nhiều các điều tra khác nhau về sự phát triển tâm lý ở tuổi tiểu học. Dù có sự thống nhất chung về đặc điểm phát triển tâm lý ở tuổi tiểu học trên toàn thế giới, mỗi nước đều đề xuất các chỉ số cụ thể riêng của nước mình, dựa trên ý kiến chuyên gia đa lĩnh vực và triết lý giáo dục cũng như mục tiêu giáo dục của quốc gia. Học hỏi từ kinh nghiệm quốc tế để xác định các chỉ số phát triển tâm lý của trẻ tiểu học Việt Nam hay lấy ý kiến chuyên gia để lựa chọn các chỉ số là điều tối quan trọng. Các số liệu cũng nên được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, như học sinh tự báo cáo, cha mẹ học sinh hoặc giáo viên. Ngoài ra, các chỉ số cũng cần tính đến mức độ phù hợp với đặc điểm văn hóa, dân tộc khác nhau ở Việt Nam.

Không có một bộ công cụ chuẩn hóa nào để đo sự phát triển tâm lý của trẻ tiểu học, mà các nghiên cứu đều tích hợp và thích ứng từ nhiều công cụ chuẩn hóa khác nhau. Nghiên cứu ở Việt Nam có thể tiếp cận theo cách thích ứng các công cụ chuẩn hóa có sẵn, sau khi đã xác định được các chỉ số cần đo. Tiếp cận này sẽ giảm thời gian và chi phí, do thừa kế được những thành tựu đã có trên thế giới và có điểm thuận lợi là so sánh được số liệu với các quốc gia khác.

Theo Luật Giáo dục Việt Nam, mục tiêu của giáo dục tiểu học “nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở” (Luật Giáo dục, 2019). Có thể thấy, với mục tiêu trên, kỳ vọng/mong muốn của Việt Nam đối với sự phát triển tâm lý - xã hội của trẻ ở tuổi tiểu học không có sự khác biệt nhiều với thế giới. Do vậy, các chỉ số phát triển tâm lý - xã hội mà chúng tôi đề xuất đánh giá ở trẻ tuổi tiểu học là: kỹ năng xã hội, tự trọng, cảm nhận về hỗ trợ xã hội (từ gia đình, bạn bè, trường học, cộng đồng), khả năng tự kiểm soát, cảm nhận và sự gắn bó với trường học bao gồm cả vấn đề bắt nạt, kỹ năng sử dụng thời gian và các hoạt động trong ngày, sức khỏe tâm thần. Đây là những chỉ số cơ bản cần có, nếu điều kiện nguồn lực hạn chế. Bên cạnh

đó, các thông tin nhân khẩu, đặc điểm môi trường xã hội xung quanh trẻ cũng cần được thu thập, để cung cấp dữ liệu đa chiều và tổng thể về sự phát triển tâm lý - xã hội của trẻ.

4. Kết luận

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, việc cần có thêm nhiều nghiên cứu về các chỉ số phát triển tâm lý ở trẻ tiểu học và các yếu tố văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển, sức khỏe của trẻ em là không thể phủ nhận. Các mặt tâm lý xã hội, sức khỏe tâm thần ở trẻ em nói chung và trẻ tiểu học nói riêng không kém phần quan trọng so với việc đọc, viết hay thành tích học tập, sức khỏe thể chất và tất nhiên các mặt này đều tương tác, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau.

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu ở trên, chúng tôi nhận thấy, những chỉ số tâm lý cơ bản ở trẻ tiểu học đều được các quốc gia quan tâm là tự trọng, kỹ năng xã hội, hỗ trợ và gắn kết xã hội; khả năng tự kiểm soát hành vi; kỹ năng quản lý cảm xúc, sức khỏe tâm thần. Đây cũng có thể là đề xuất ban đầu về các chỉ số tâm lý cho trẻ tuổi tiểu học ở Việt Nam để từ đó tham khảo ý kiến chuyên gia và xây dựng bộ công cụ đánh giá.

Tài liệu tham khảo

1. Austin G. & Duerr M. (2004). *Guidebook for the California healthy kids survey*. Part I: Administration. 2004 - 2005 Edition. WestED (NJ1).
2. Bradshaw J., Hoelscher P. & Richardson D. (2007). *An index of child well-being in the European Union*. Social Indicators Research. 80 (1). P. 133 - 177.
3. Eccles J.S., Wigfield A. & Schiefele U. (1998). *Motivation to succeed*. In N. Eisenberg (Ed.). *Handbook of Child Psychology: Vol. 3. Social, Emotional, and Personality Development*. P. 1.018 - 1.095. New York. Wiley.
4. Erikson E.H. (1959). *Identity and the life cycle: Selected papers*. Oxford. England. International Universities Press.
5. Costello E.J., Copeland W. & Angold A. (2016). *The great smoky mountains study: Developmental epidemiology in the southeastern United States*. *Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology*. 51 (5). P. 639 - 646.
6. Green P.J., Hoogstra L.A., Ingels S.J., Greene H.N. & Marnell P.K. (1997). *Formulating a design for the ECLS: A review of longitudinal studies*. Working Paper Series.
7. Hertzman C. & Power C. (2006). *A life course approach to health and human development*. Healthier Societies. From analysis to action. P. 83 - 106.

8. Laurens K.R., Tzoumakis S., Dean K., Brinkman S.A., Bore M., Lenroot R.K.,... & Harris F. (2017). *The 2015 middle childhood survey (MCS) of mental health and well-being at age 11 years in an Australian population cohort*. *BMJ open*. 7 (6). e016244.
9. Manning M.L. (1998). *The importance of research on middle childhood and early adolescence: Suggestions for the future*. *Journal of Research in Childhood Education*. 13 (1). P. 5 - 6.
10. <https://nces.ed.gov/>.
11. Nguyễn Thị Hồng Nga (1997). *Góp phần hoàn thiện bộ trắc nghiệm đo lường mức độ sẵn sàng đi học của trẻ 6 tuổi vào lớp 1*. Luận án PTS Khoa học Sư phạm tâm lý. Viện Khoa học Giáo dục.
12. Đặng Thị Phương Phi (2007). *Chuẩn bị về mặt xã hội cho trẻ mẫu giáo lớn sẵn sàng đi học lớp 1 ở đồng bằng Sông Cửu Long*. Luận án Tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục.
13. *Luật Giáo dục* (2019). Luật số: 43/2019/QH14.
14. Ripke M., Huston A.C., Eccles J. & Templeton J. (2008). *The assessment of psychological, emotional, and social development indicators in middle childhood*. In B.V. Brown (Ed.). *Key indicators of child and youth well-being: Completing the picture*. P. 131 - 165. Mahwah, NJ, US: Lawrence Erlbaum Associates Publishers.
15. Schonert-Reichl K.A., Lawlor M.S., Oberle E. & Thomson K. (2009). *Identifying indicators and tools for measuring social and emotional healthy living: Children ages 5 - 12 years*. Public Health Agency of Canada.
16. Schonert-Reichl K.A. & Rowcliffe P. (2012). *Middle childhood inside and out: The psychological and social worlds of Canadian children ages 9 - 12: Full report*. United Way of the Lower Mainland.
17. Pedersen S., Vitaro F., Barker E.D. & Borge A.I. (2007). *The timing of middle childhood peer rejection and friendship: Linking early behavior to early adolescent adjustment*. *Child Development*. 78 (4). P. 1.037 - 1.051.
18. Thomson K.C., Oberle E., Gadermann A.M., Guhn M., Rowcliffe P. & Schonert-Reichl K.A. (2018). *Measuring social-emotional development in middle childhood: The middle years development instrument*. *Journal of Applied Developmental Psychology*. 55. P. 107 - 118.

đó, các thông tin nhân khẩu, đặc điểm môi trường xã hội xung quanh trẻ cũng cần được thu thập, để cung cấp dữ liệu đa chiều và tổng thể về sự phát triển tâm lý - xã hội của trẻ.

4. Kết luận

Trên thế giới cũng như ở Việt Nam, việc cần có thêm nhiều nghiên cứu về các chỉ số phát triển tâm lý ở trẻ tiểu học và các yếu tố văn hóa, xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển, sức khỏe của trẻ em là không thể phủ nhận. Các mặt tâm lý xã hội, sức khỏe tâm thần ở trẻ em nói chung và trẻ tiểu học nói riêng không kém phần quan trọng so với việc đọc, viết hay thành tích học tập, sức khỏe thể chất và tất nhiên các mặt này đều tương tác, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau.

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu ở trên, chúng tôi nhận thấy, những chỉ số tâm lý cơ bản ở trẻ tiểu học đều được các quốc gia quan tâm là tự trọng, kỹ năng xã hội, hỗ trợ và gắn kết xã hội; khả năng tự kiểm soát hành vi; kỹ năng quản lý cảm xúc, sức khỏe tâm thần. Đây cũng có thể là đề xuất ban đầu về các chỉ số tâm lý cho trẻ tuổi tiểu học ở Việt Nam để từ đó tham khảo ý kiến chuyên gia và xây dựng bộ công cụ đánh giá.

Tài liệu tham khảo

1. Austin G. & Duerr M. (2004). *Guidebook for the California healthy kids survey*. Part I: Administration. 2004 - 2005 Edition. WestED (NJ1).
2. Bradshaw J., Hoelscher P. & Richardson D. (2007). *An index of child well-being in the European Union*. Social Indicators Research. 80 (1). P. 133 - 177.
3. Eccles J.S., Wigfield A. & Schiefele U. (1998). *Motivation to succeed*. In N. Eisenberg (Ed.). *Handbook of Child Psychology: Vol. 3. Social, Emotional, and Personality Development*. P. 1.018 - 1.095. New York. Wiley.
4. Erikson E.H. (1959). *Identity and the life cycle: Selected papers*. Oxford, England. International Universities Press.
5. Costello E.J., Copeland W. & Angold A. (2016). *The great smoky mountains study: Developmental epidemiology in the southeastern United States*. *Social Psychiatry and Psychiatric Epidemiology*. 51 (5). P. 639 - 646.
6. Green P.J., Hoogstra L.A., Ingels S.J., Greene H.N. & Marnell P.K. (1997). *Formulating a design for the ECLS: A review of longitudinal studies*. Working Paper Series.
7. Hertzman C. & Power C. (2006). *A life course approach to health and human development*. Healthier Societies. From analysis to action. P. 83 - 106.

8. Laurens K.R., Tzoumakis S., Dean K., Brinkman S.A., Bore M., Lenroot R.K.,... & Harris F. (2017). *The 2015 middle childhood survey (MCS) of mental health and well-being at age 11 years in an Australian population cohort*. *BMJ open*. 7 (6). e016244.
9. Manning M.L. (1998). *The importance of research on middle childhood and early adolescence: Suggestions for the future*. *Journal of Research in Childhood Education*. 13 (1). P. 5 - 6.
10. <https://nces.ed.gov/>.
11. Nguyễn Thị Hồng Nga (1997). *Góp phần hoàn thiện bộ trắc nghiệm đo lường mức độ sẵn sàng đi học của trẻ 6 tuổi vào lớp 1*. Luận án PTS Khoa học Sư phạm tâm lý. Viện Khoa học Giáo dục.
12. Đặng Thị Phương Phi (2007). *Chuẩn bị về mặt xã hội cho trẻ mẫu giáo lớn sẵn sàng đi học lớp 1 ở đồng bằng Sông Cửu Long*. Luận án Tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục.
13. *Luật Giáo dục* (2019). Luật số: 43/2019/QH14.
14. Ripke M., Huston A.C., Eccles J. & Templeton J. (2008). *The assessment of psychological, emotional, and social development indicators in middle childhood*. In B.V. Brown (Ed.), *Key indicators of child and youth well-being: Completing the picture*. P. 131 - 165. Mahwah, NJ, US: Lawrence Erlbaum Associates Publishers.
15. Schonert-Reichl K.A., Lawlor M.S., Oberle E. & Thomson K. (2009). *Identifying indicators and tools for measuring social and emotional healthy living: Children ages 5 - 12 years*. Public Health Agency of Canada.
16. Schonert-Reichl K.A. & Rowcliffe P. (2012). *Middle childhood inside and out: The psychological and social worlds of Canadian children ages 9 - 12: Full report*. United Way of the Lower Mainland.
17. Pedersen S., Vitaro F., Barker E.D. & Borge A.I. (2007). *The timing of middle childhood peer rejection and friendship: Linking early behavior to early adolescent adjustment*. *Child Development*. 78 (4). P. 1.037 - 1.051.
18. Thomson K.C., Oberle E., Gadermann A.M., Guhn M., Rowcliffe P. & Schonert-Reichl K.A. (2018). *Measuring social-emotional development in middle childhood. The middle years development instrument*. *Journal of Applied Developmental Psychology*. 55. P. 107 - 118.